TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2019/QĐST- HNGĐ
Ngày: 19/8/2019
V/v: "Hủy kết hôn trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Vũ - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hữu Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp:

Ông Mai Trường Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về " Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2019/QĐPH-HNGĐ ngày26 tháng 7 năm 2019

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị K' S, sinh năm 1979

CMND số 250457560, cấp ngày 07/03/2018 tại Công an tỉnh Lâm Đồng.

-Anh Ka M, sinh năm 1982

CMND số 251066512, cấp ngày 28/01/2013 tại Công an tỉnh Lâm Đồng.

Cùng địa chỉ: TDP Đ, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Chị K'S và anh Ka M đề nghị Tòa án tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị khi cả hai đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà nhận định:

Ngày 30/12/1999 ông Ka M và bà K' S về sống chung với nhau xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh chị đã bị thất lạc, anh chị đã liên hệ với UBND thị trấn Đ xin trích lục lại giấy chứng nhận kết hôn.

Theo trích lục kết hôn số 63/TLKH-BS ngày 23/8/2016 của UBND thị trấn Đ thể hiện năm sinh của anh trên giấy chứng nhận kết hôn là năm 1981 là do tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Ka M chưa đủ tuổi theo quy định nên anh đã khai năm sinh của mình là năm 1981 để được cán bộ ủy ban thực hiện việc đăng ký kết hôn, trong khi đó năm sinh thực tế của anh là năm 1982.

Ngoài ra, trong Trích lục kết hôn số 633/TLKH-BS họ, chữ đệm, tên chồng là K'M là không đúng theo chứng minh nhân dân của anh, tên của anh chính xác là KA M. Đồng thời số chứng minh nhân dân của anh cũng có sự sai sót, chứng minh nhân dân của anh chính xác là số 251066512. Do có sơ suất nên anh đã không kiểm tra lại thông tin của mình trên giấy chứng nhận kết hôn.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Manh 17 tuổi, chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định nên việc kết hôn giữa vợ chồng anh chị là trái pháp luật, không được pháp luật thừa nhận, bên cạnh đó có nhiều sự sai sót về thông tin trên Trích lục kết hôn số 633, gây nhiều khó khăn cho vợ chồng anh chị trong cuộc sống và khi tiến hành làm các thủ tục giấy tờ.

Sau khi vợ chồng anh chị kết hôn và về chung sống đến nay, cuộc sống của vợ chồng anh chị diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Nhưng do việc kết hôn khi anh chị chưa đủ tuổi là trái pháp luật và để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về việc xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tuyên hủy giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật giữa anh Ka M và chị K' S đăng ký kết hôn ngày 30/12/1999 theo trích lục kết hôn số 633/TLKH-BS ngày 23/8/2016. Đồng thời anh chị yêu cầu Tòa án nhân công nhận quan hệ hôn nhân thực tế của vợ chồng anh chị từ ngày anh chị đủ tuổi kết hôn theo quy định đến nay.

Về con chung: Vợ chồng anh Ka M và chị K' S có 03 người con chung là K' S – sinh ngày 05/6/2002, K' T – sinh ngày 04/04/2004, Ka L – sinh ngày 26/12/2007, Ka Mi S – sinh ngày 19/6/2016; K' Duy Ma – sinh ngày 22/7/2018. Anh chị không yêu cầu Toà án xem xét, gải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ka M và chị K’ S cùng yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng theo quy định nên không yêu cầu Toà án xem xét, gải quyết về vấn đề tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên họp các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự; Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý yêu cầu giải quyết việc dân sự; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thực hiện việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng; thực hiện việc thu thập chứng cứ; trình tự giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; thời hạn giải quyết vụ việc đúng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc dân sự theo hướng chấp nhận đơn yêu cầu của ông Ka M và bà K’Sươn. Hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông Ka M và bà K’Sươn do ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà cấp ngày 30/12/1999. Đồng thời, công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị ông Ka M và bà K’Sươn được xác lập kể từ ngày 02/01/2001.

Xét việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Ka M và chị K’Sươn thì nhận thấy rằng: Vào ngày 30/12/1999, anh Ka M và chị K’ S về chung sống và xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh chị đã bị thất lạc, anh chị đã liên hệ với Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xin trích lục lại giấy chứng nhận kết hôn. Theo trích lục kết hôn số 633/TLKH-BS ngày 23/8/2016 thể hiện năm sinh của ông Ka M trên giấy chứng nhận kết hôn là 1981 là do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Ka M chưa đủ tuổi theo quy định nên anh chị đã khai năm sinh của chồng là 1981 để được cán bộ Uỷ ban thực hiện việc đăng ký kết hôn, trong khi đó năm sinh thực tế của chồng là 1982. Ngoài ra trong trích lục kết hôn số 633/TLKH-BS thì họ, chữ đệm, tên chồng là K’ M là không đúng theo chứng minh nhân dân, tên chính xác là Ka M, đồng thời chứng minh nhân dân của chồng cũng có sự sai xót, chứng minh nhân dân của chồng là chính xác là số 251066512. Sau khi kết hôn về chung sống đến nay cuộc sống của vợ chồng anh chị diễn ra hoà thuận, hạnh phúc, và có con chung, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, bất hoà.

Qua xem xét thì thấy rằng, theo Bản trích lục kết hôn số 633/TLKS-BS ngày 23/8/2016 của Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng thì anh Ka M và chị K’ S đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/1999, trong đó thể hiện chị K’ S

sinh năm 1979 và anh K' M sinh năm 1981. Tuy nhiên, theo anh Ka M trình bày thì thực tế anh sinh vào năm 1982, chứ không phải là K' M sinh năm 1981 như trong trích lục kết hôn, đồng thời chứng minh nhân dân của anh Ka M cũng sự sai xót, chứng minh nhân dân của anh Ka M chính xác là 251066512. Bên cạnh đó do anh Ka M không cung cấp được giấy khai sinh, không xác định được ngày, tháng, năm sinh của mình và tại phiên họp anh Ka M khai đã bị thất lạc giấy khai sinh nên không có để cung cấp cho Tòa và Toà án cũng không thu thập được giấy khai sinh của anh Ka M nên chỉ căn cứ được vào gấy chứng minh nhân dân số 251066512 của anh Ka M thì thể hiện tên chính xác là Ka M, sinh năm 1982, đồng thời trong sổ hộ khẩu cung cấp thì cũng thể hiện anh Ka M, sinh năm 1982.

Theo kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng thì bà K' S, sinh năm 1979 và ông Ka M, sinh năm 1981 cùng trú tại tổ dân phố Đa Huynh, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo số 94 ngày 30/12/1999. Tuy nhiên do sơ xuất và nhầm lẫn thông tin trong đăng ký kết hôn tên chồng K' Manh, sinh năm 1981 và tên chồng Ka M, sinh năm 1982 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Anh K' M sinh năm 1981 và anh Ka M, sinh năm 1982 là cùng một người. Đồng thời thì trong sổ bộ đăng ký kết hôn không thể hiện việc lưu giữ giấy khai sinh của anh Ka M, cũng như tờ khai đăng ký kết hôn và xác nhận tình trạng hôn nhân không còn lưu do bị thất lạc.

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được thì thể hiện, anh Ka M không cung cấp được giấy khai sinh và tại phiên họp anh khai giấy khai sinh đã bị thất lạc và cũng không xác định được ngày tháng của mình nên căn cứ theo hướng dẫn tại tiểu mục a, b, khoản 1, Điều 2 TTLT 01/2016 ngày 06/01/2016 giữa TANDTC-VKSNDTC-BTP thì ngày tháng năm sinh của anh Ka M được xác định là ngày 01/01/1982. Do vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn thì anh Ka M mới 16 tuổi 11 tháng 30 ngày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì điều kiện kết hôn đối với nam là từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên. Do đó, việc Uỷ ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Ka M và chị K' S là trái với quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Đến nay cả anh Ka M và chị K' S cùng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Ka M và chị K' S. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, cần chấp nhận đơn yêu cầu của anh Ka M và chị K' S, hủy giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật giữa anh Ka M và chị K' S là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời anh Ka M và chị K 'Sươn cùng thống nhất yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Xét thấy hiện nay anh Ka M và chị K' S đã đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm a mục 1 NQ 02/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 23/12/2000 nên chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Ka M và chị K' S kể từ thời điểm anh Ka M đủ tuổi kết hôn theo quy định, tức là kể từ ngày 02/01/2001 là có cơ sở.

Đối với vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do anh Ka M và chị

K’ S cùng yêu cầu Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng theo quy định nên không đặt ra để xem xét về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Xét yêu cầu của ông Ka M và bà K’S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm a mục 1 NQ 02/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 23/12/2000 và tiểu mục a, b, khoản 1, Điều 2 TTLT 01/2016 giữa TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp cần hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94 giữa ông Ka M và bà K’S cấp ngày ngày 30 tháng 12 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời, công nhận quan hệ hôn nhân của ông Ka M và bà K’S kể từ ngày 02/01/2001 (Ngày anh Ka M đủ tuổi kết hôn theo quy định) là phù hợp.

Về lệ phí: Anh Ka M, chị K’S phải chịu 300.000đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 15, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149 và các Điều 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị 02/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 23/12/2000.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 94 giữa anh Ka M và chị K’S cấp ngày 30 tháng 12 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đồng thời, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Ka M và chị K’S được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là ngày 02/01/2001.

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Ka M, chị K’S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng anh Ka M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001300 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Anh Ka M chị K’S đã nộp đủ lệ phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định (19/8/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- UBND thị trấn Đ, huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Vũ